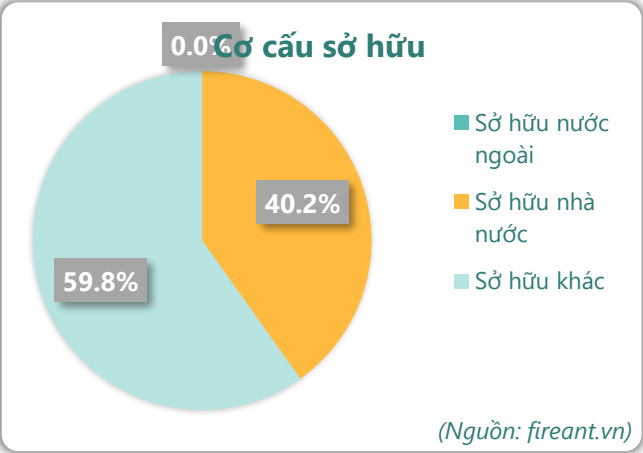
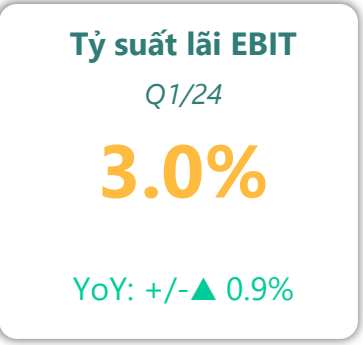
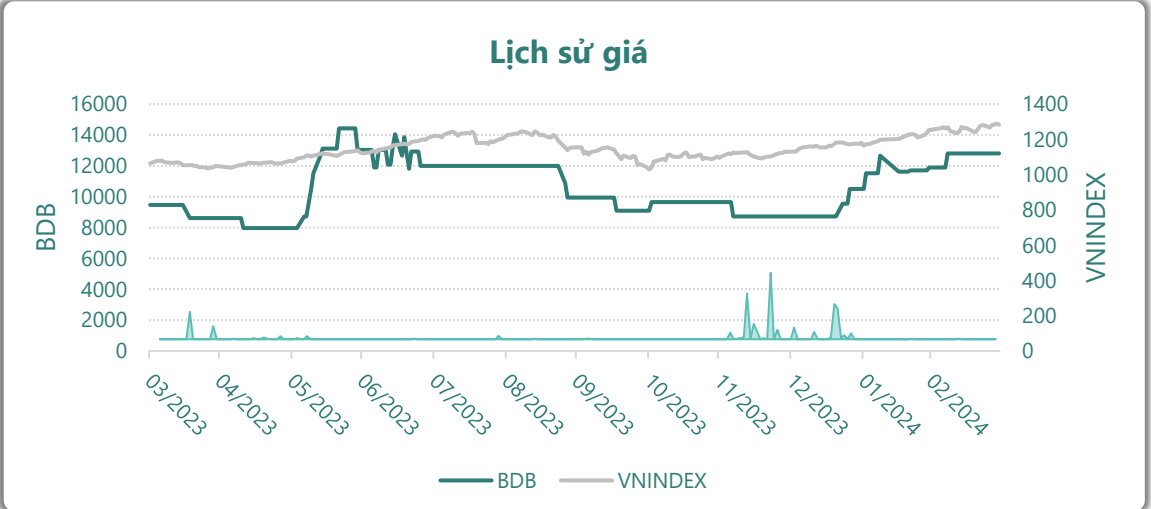
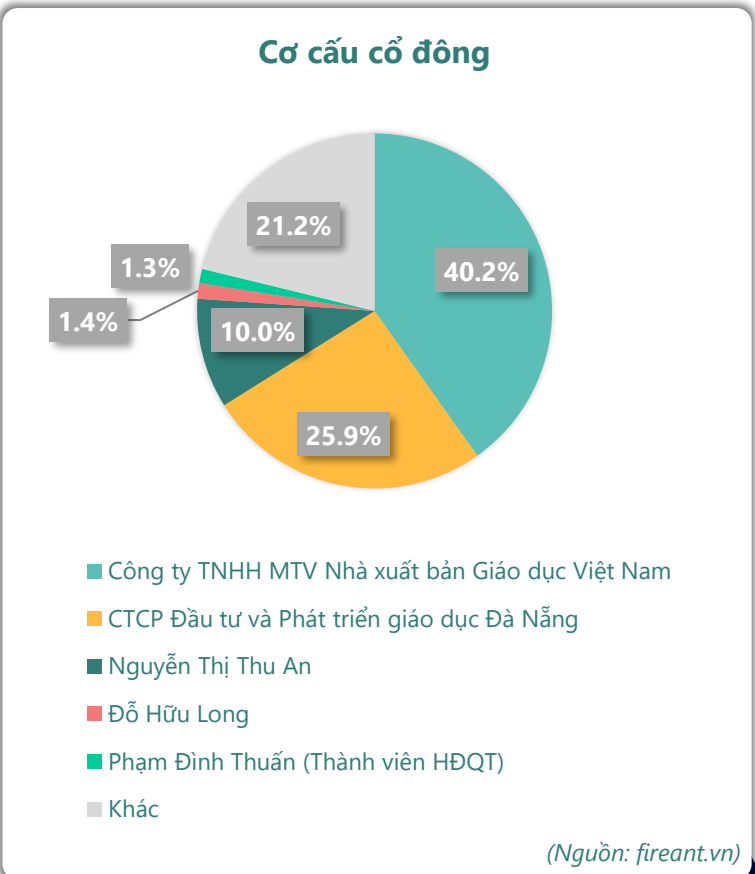


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

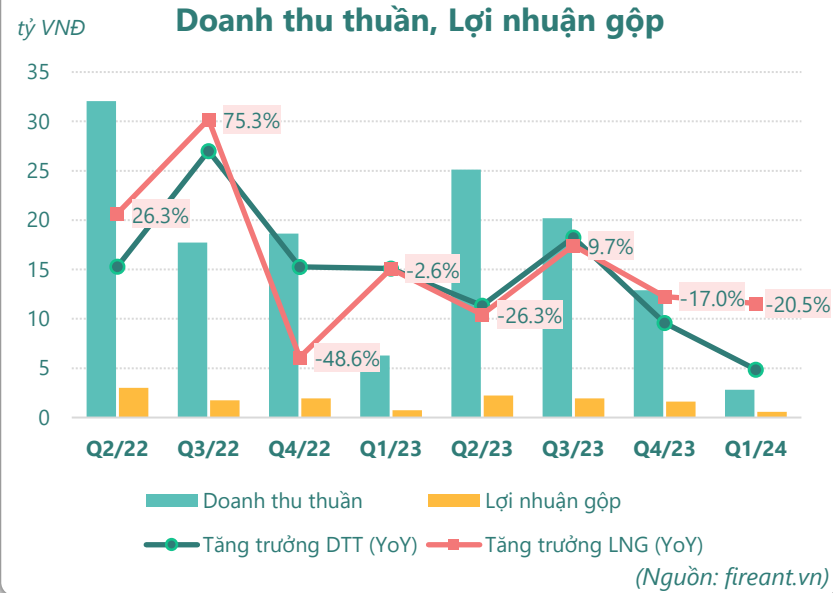
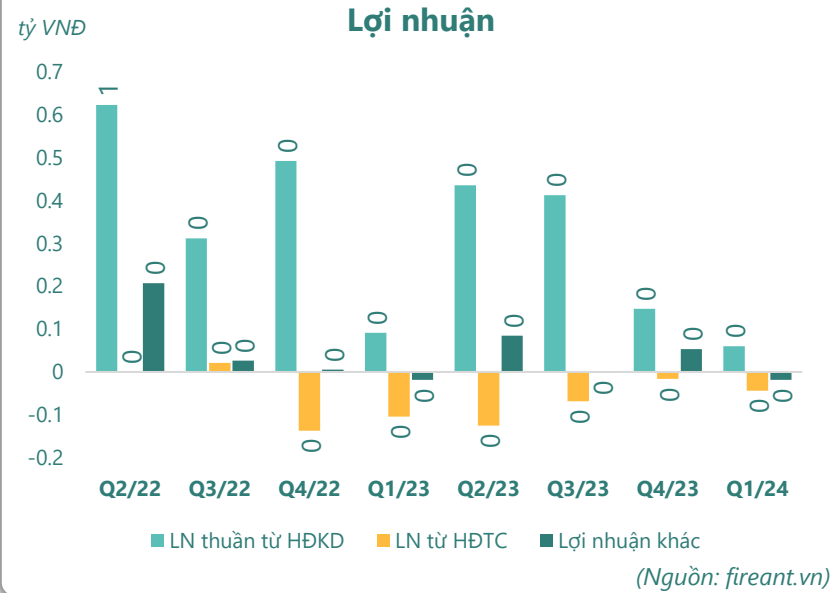
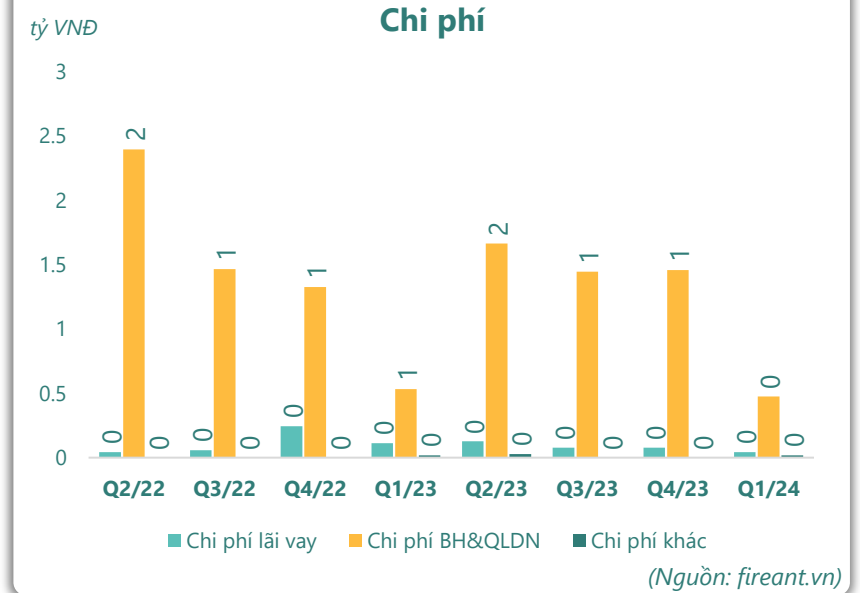
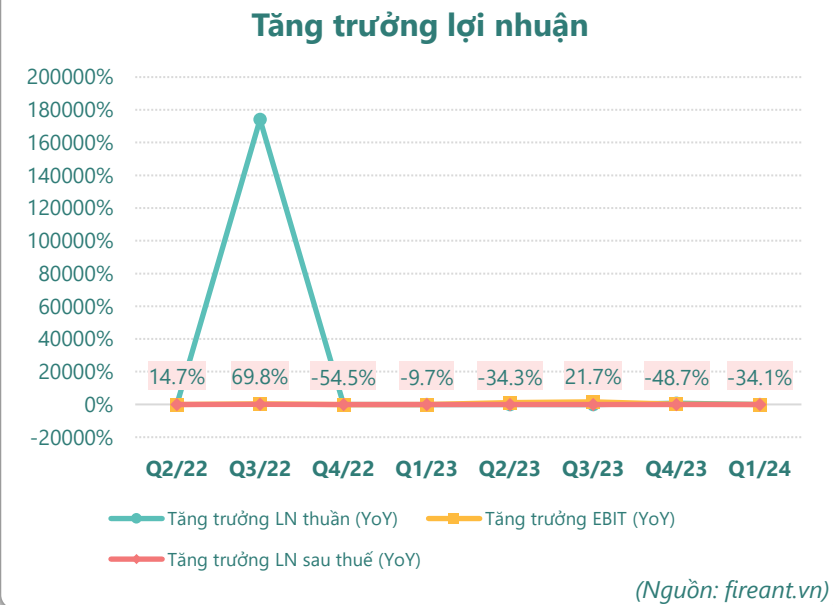
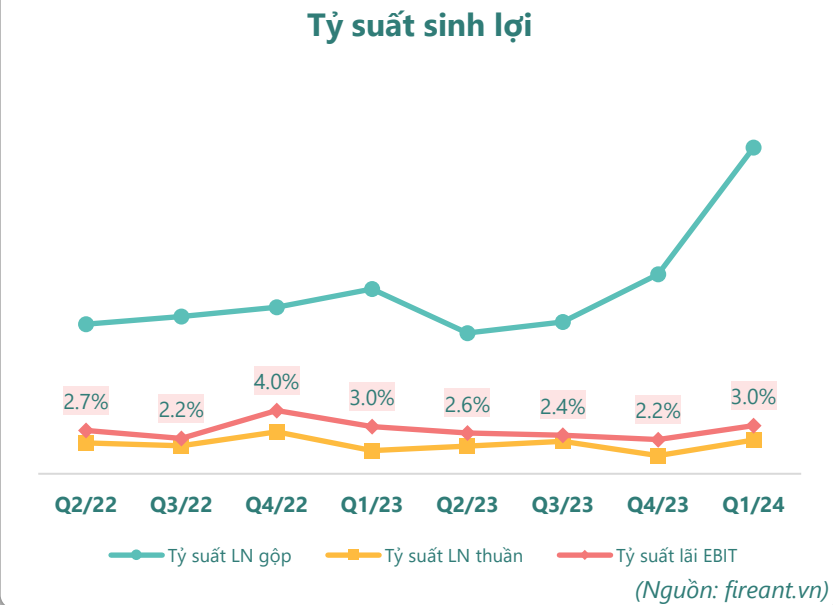
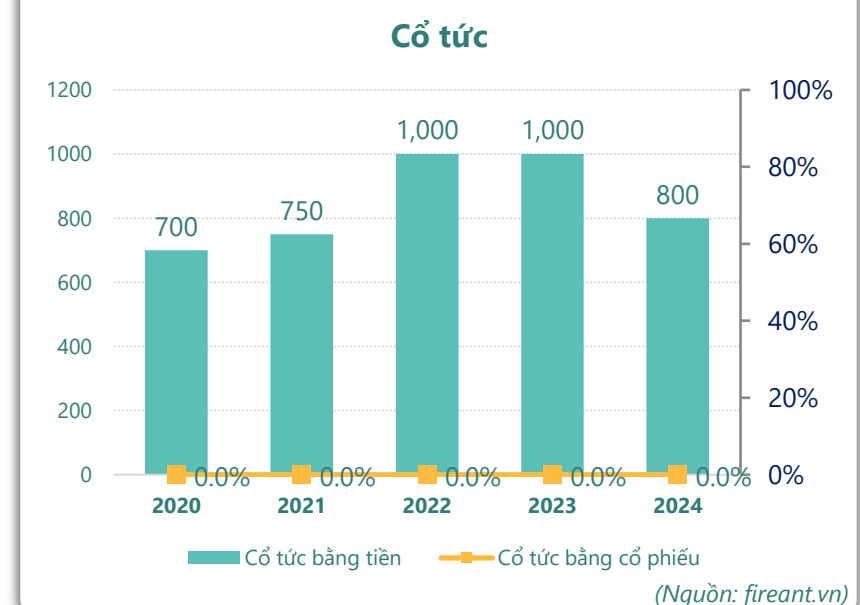
CTCP Sách và Thiết bị Bình Định

Ngày 31/03/2024	12,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.6%	46.9%	28.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,965 - 14,430
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	14
Số lượng CPLH (CP)	1,126,474
KLGD BQ 20 phiên (CP)	340
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.18
EPS	815
P/E	15.7



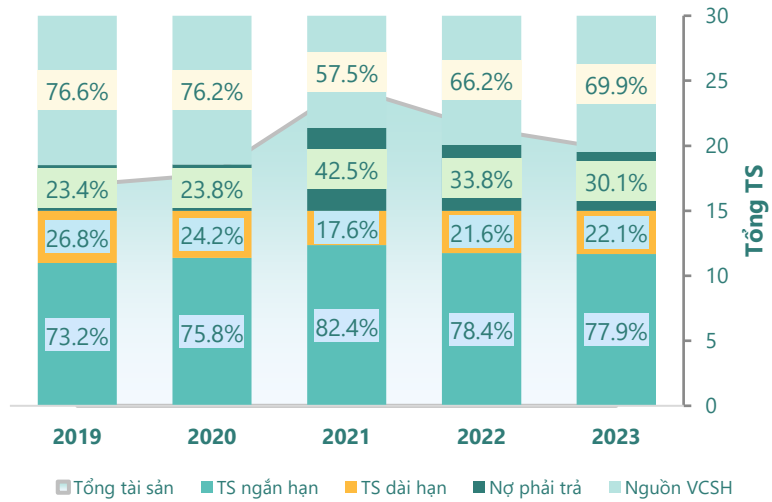
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

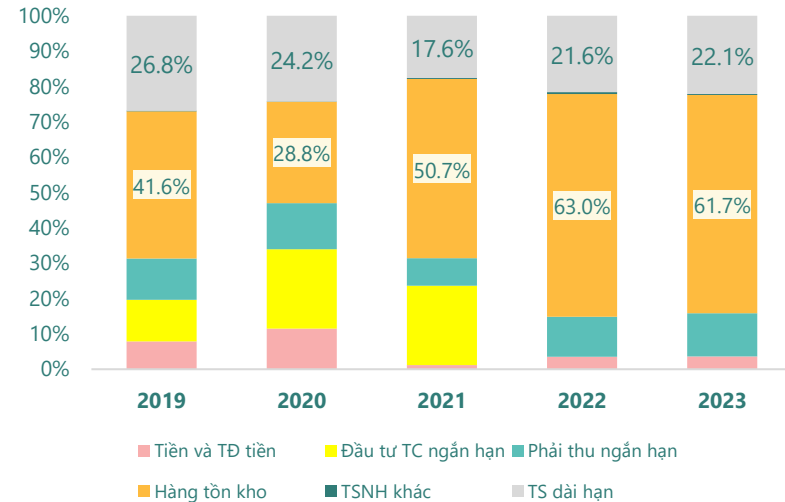
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

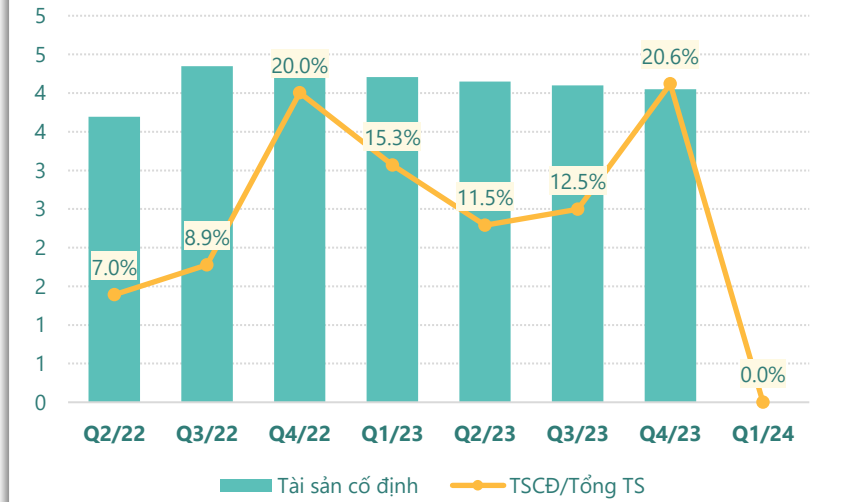
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

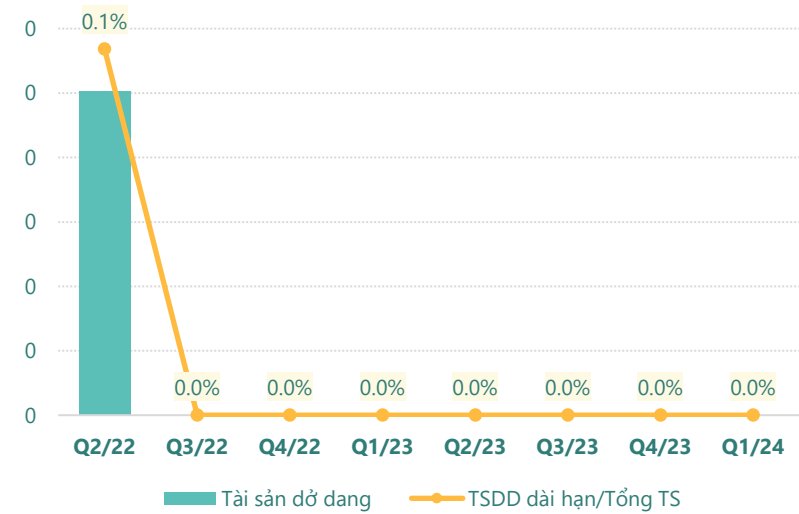
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

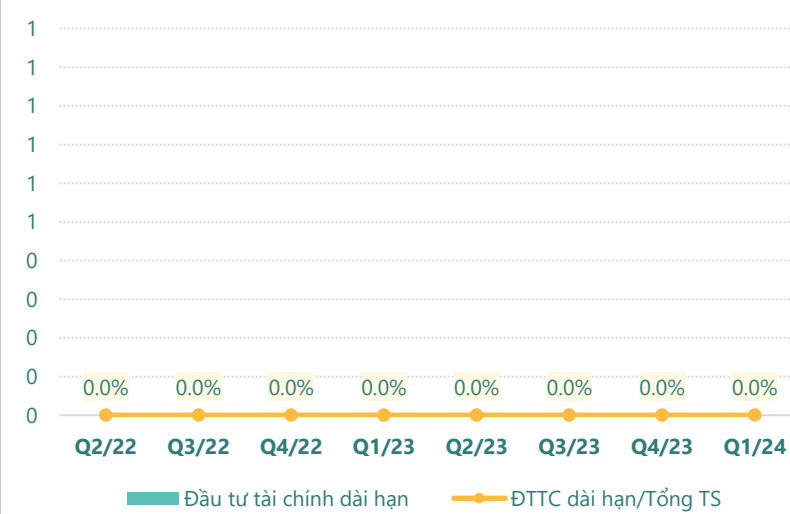
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

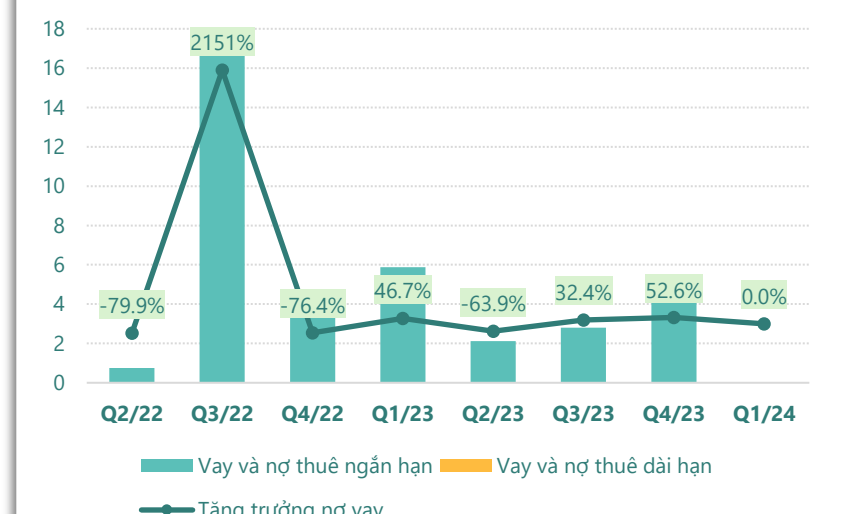
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

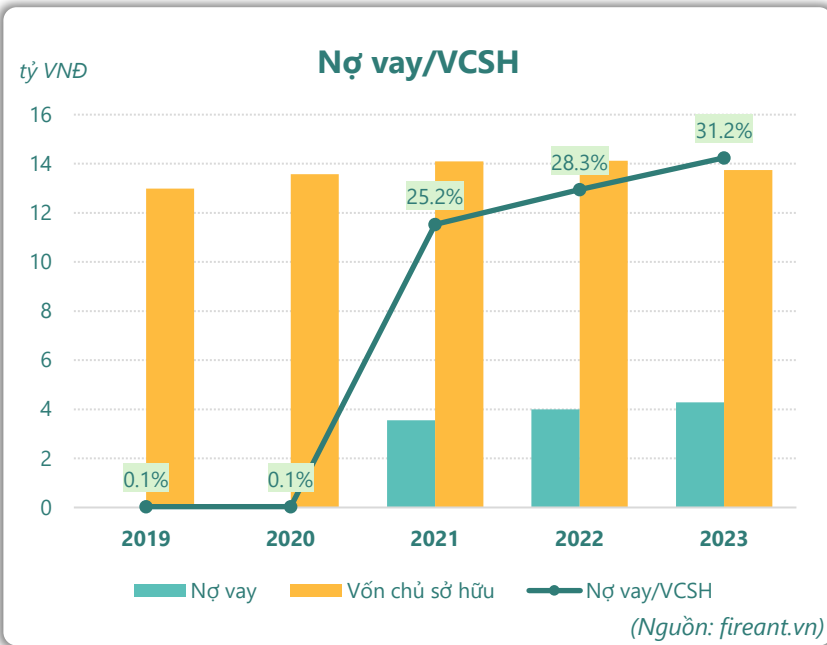
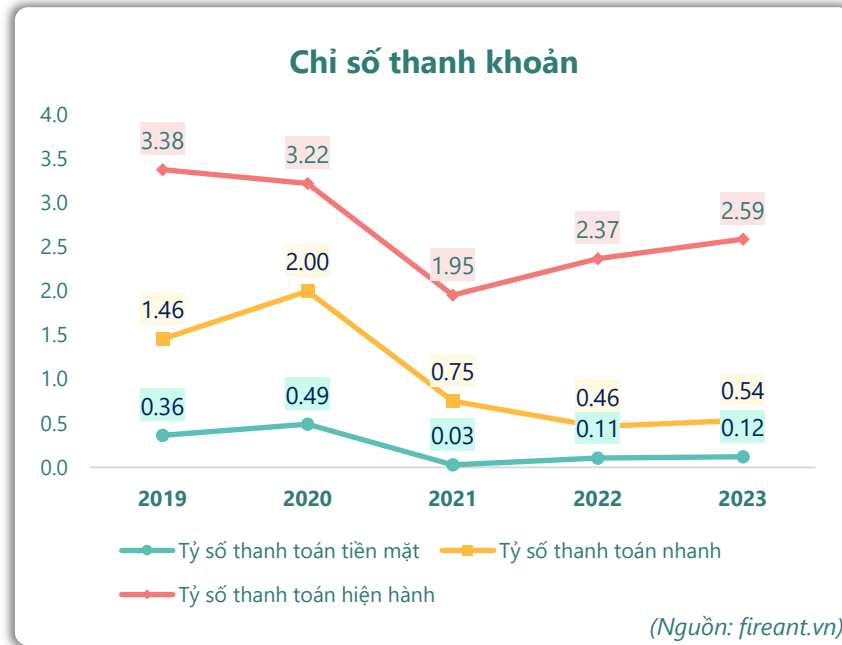
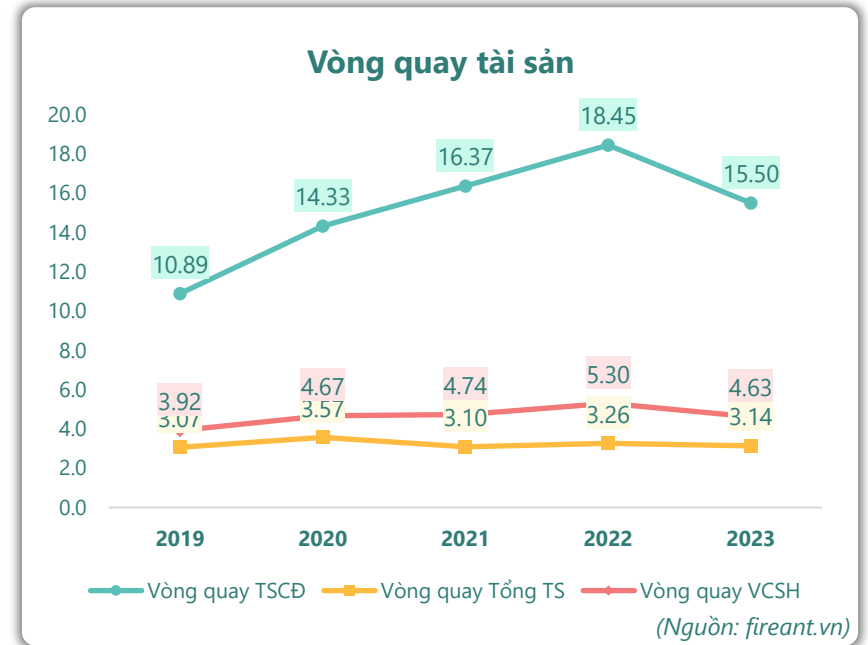
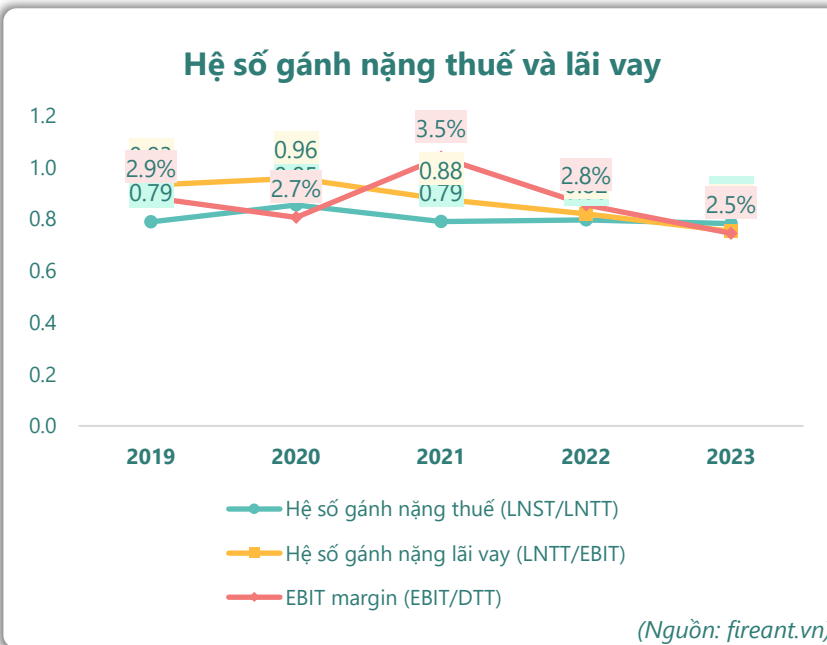
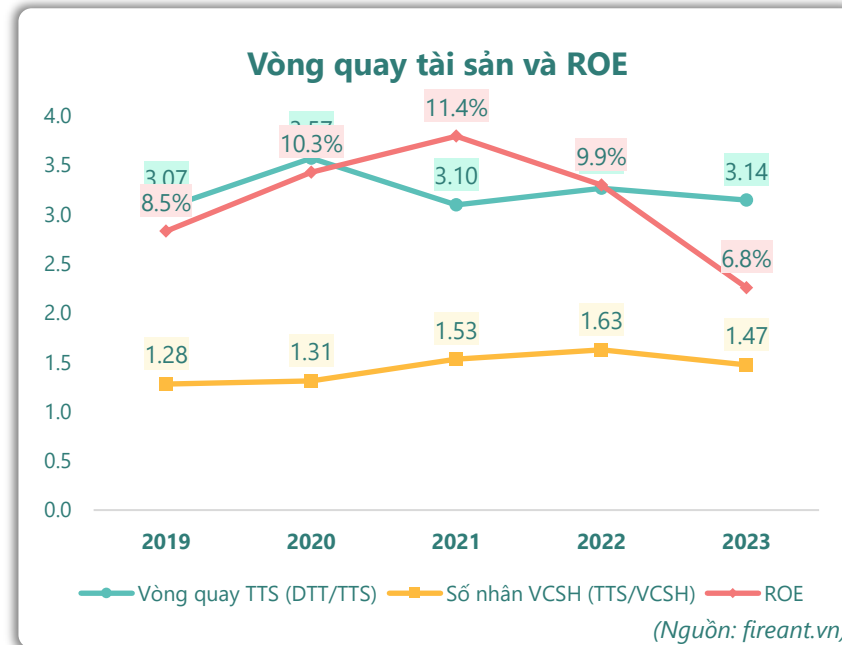
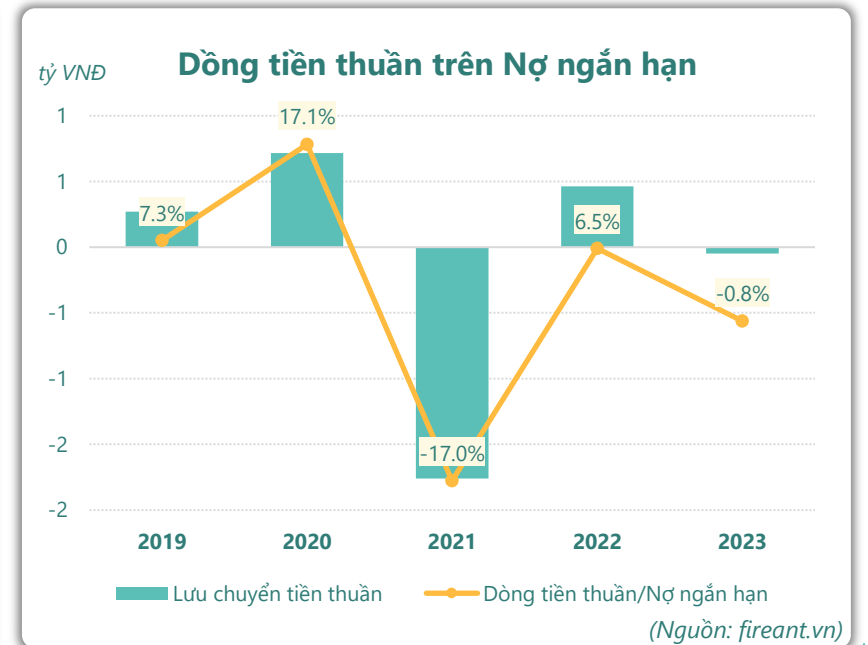
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2.82	6.27	-55.0%	64.5	74.8	-13.9%
Giá vốn hàng bán	2.24	5.54	-59.5%	58.0	67.3	-14.0%
Lợi nhuận gộp	0.58	0.73	-20.5%	6.51	7.48	-13.0%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-98.9%	0.08	0.27	-70.0%
Chi phí TC	0.04	0.11	-60.0%	0.40	0.38	3.5%
Chi phí lãi vay	0.04	0.11	-60.0%	0.40	0.38	3.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.19	0.24	-21.2%	2.63	2.81	-6.5%
Chi phí QLDN	0.29	0.29	-1.0%	2.48	3.06	-18.9%
LN thuần từ HĐKD	0.06	0.09	-33.2%	1.09	1.51	-27.8%
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.02	7.5%	0.12	0.24	-51.7%
LN trước thuế	0.04	0.07	-40.6%	1.21	1.75	-31.1%
Lợi nhuận sau thuế	0.03	0.05	-40.9%	0.94	1.39	-32.4%
LNST của CĐ cty mẹ	0.03	0.05	-40.9%	0.94	1.39	-32.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.88	-0.50	3.92	-1.35	-1.28	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.88	-1.09	1.10	0.00	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.9	1.87	-4.88	0.69	1.48	0
Tiền đầu kỳ	2.94	0.75	1.03	1.17	0.51	0
Lưu chuyển tiền thuần	-2.18	0.28	0.14	-0.66	0.19	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.75	1.03	1.17	0.51	0.71	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản		19.7	
Tài sản ngắn hạn		15.3	
Tiền và tương đương tiền		0.71	
Đầu tư tài chính ngắn hạn		0	
Phải thu ngắn hạn		2.41	
Hàng tồn kho		12.1	
Tài sản ngắn hạn khác		0.05	
Tài sản dài hạn		4.35	
Phải thu dài hạn		0	
Tài sản cố định		4.05	
Bất động sản đầu tư		0	
Tài sản dở dang		0	
Đầu tư tài chính dài hạn		0	
Tài sản dài hạn khác		0.31	
Lợi thế thương mại		0	
Nợ phải trả		5.92	
Nợ ngắn hạn		5.92	
Vay và nợ thuê ngắn hạn		4.28	
Phải trả người bán ngắn hạn		1.00	
Nợ dài hạn		0	
Vay và nợ thuê dài hạn		0	
Nguồn vốn chủ sở hữu		13.7	
Vốn chủ sở hữu		13.7	
Vốn điều lệ		11.3	
Kinh phí và quỹ khác		0	

(Nguồn: fireant.vn)

